CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
----------o0o----------

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- ***Tên dự án***: Dự án khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá cát kết xã Đại Phúc và phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên

- ***Địa điểm thực hiện dự án***: Phường Phúc Thuận và xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên.

- Chủ dự án: Công ty TNHH Bê tông xây dựng Việt Cường

+ Địa chỉ liên hệ: Ngã 3 Khuôn Ngàn, xã Phú Xuyên, tỉnh Thái Nguyên.

+ Điện thoại: (02083) 522 286

+ Đại diện: Ông Đoàn Văn Tùng - Chức vụ: Giám đốc

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi ranh giới thực hiện dự án là 55,3ha được xác định tại Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 2208/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên và Quyết định điều chỉnh dự án Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại xóm 9, xã Phúc Tân và xóm Đồng Đèo, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường Phúc Thuận và xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên) số 65/QĐ-HH ngày 04/5/2026 của Công ty TNHH Bê tông xây dựng Việt Cường.

- Trữ lượng địa chất được phê duyệt theo báo cáo thăm dò:

+ Trữ lượng cát kết được phê duyệt theo báo cáo thăm dò: 1.804.812m^3; Trữ lượng khai thác: 1.624.331m^3; Công suất khai thác tối đa 145.000m^3 cát kết/năm.

+ Trữ lượng đất đồi (khoáng sản nhóm IV) được phê duyệt theo xác nhận: 51.133.708m^3; Trữ lượng khai thác: 38.831.399 m^3; Công suất khai thác tối đa 4.000.000m^3 đất nguyên khối/năm.

- Công suất khai thác:

STT	Công suất khai thác	đơn vị tính	Trữ lượng
1	Công suất khai thác cát kết:		
	- Năm thứ 1 và năm thứ 2:		145.000
	- Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5:		120.000
	- Từ năm thứ 6 đến năm thứ 9:		100.000
	- Từ năm thứ 10 đến năm thứ 12:		80.000
	- Từ năm thứ 13 đến năm thứ 15:		60.000
	- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 18:	m^3/năm	45.000
	- Năm thứ 19		19.331
2	Công suất khai thác đất san lấp:		
	- Năm thứ 1 đến năm thứ 9		4.000.000
	- Năm thứ 10		2.831.399

- Tuổi thọ dự án (mỏ): 19 năm

- Tổng vốn đầu tư: 89.656.000.000 đồng (nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu và vốn vay từ các tổ chức tín dụng).

1.3. Công nghệ sản xuất

Áp dụng hệ thống khai thác lộ thiên, hệ thống khai thác khấu theo lớp bằng từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong bằng máy xúc trực tiếp lên ô tô vận chuyển đi tiêu thụ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

- Các hạng mục công trình chính của dự án:

Xây dựng, lắp đặt hệ thống, băng tải tổng diện tích 5.000m^2 (đã hoàn thiện 70%).

- Hạng mục công trình phụ trợ của dự án:

+ Nhà thường trực 10m^2 (container đã hoàn thiện)

+ Nhà nghỉ công nhân + nhà ăn + vệ sinh kích thước 195 m^2 (rộng x dài 6,5m x 30m).

+ Nhà điều hành, nhà văn phòng kích thước 138,6 m^2 (rộng x dài 5,5m x 25,2m).

+ Bãi tập kết xe, thiết bị diện tích 3.300 m^2.

+ Trạm cân cố định 120 tấn.

+ Bãi tập kết đất san lấp, đất phủ diện 43.300 m^2.

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường của dự án gồm:

+ Nhà kho chứa CTNH diện tích 10,89 m^2

+ Hố lắng nước thải tuần hoàn sản xuất 02 ngăn tổng dung tích 2.000m^3, diện tích 1.000m^2 (đã xây dựng)

+ Hố lắng 03 ngăn diện tích 5.500 m^2, khối tích 16.500 m^3.

+ Rãnh thoát nước phù hợp với mặt bằng khai thác với tổng chiều dài 2.500m.

+ Xây dựng mới cầu rửa xe diện tích 96 m^2, trạm cân cố định 120 tấn.

- Các hoạt động của dự án gồm:

+ Giai đoạn xây dựng cơ bản: Hoạt động di dời, phá dỡ công trình trên đất, san lấp mặt bằng; Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; Thi công xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ, đào rãnh thoát nước quanh các điểm mỏ.

+ Giai đoạn hoạt động Dự án: Hoạt động khai thác, bốc xúc, vận chuyển đất, cát kết đi tiêu thụ.

+ Giai đoạn hoàn phục môi trường: tháo dỡ công trình phụ trợ, san gạt mặt bằng và trồng cây xanh.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

Mỏ cát kết tại thuộc phường Phúc Thuận và xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên, cách trung tâm phường Phan Đình Phùng khoảng 13 km về phía Tây Nam, cách phường Sông Công khoảng 9km về phía Tây Bắc, được giới hạn bởi các điểm khép góc: 1, 2, 3, 4, 5, 6 với tổng diện tích thăm dò là 46,2 ha có toạ độ hệ VN 2000 như sau:

Bảng 1.1. Toạ độ các điểm khép góc khu vực mỏ

Điểm góc	**Tọa độ VN-2000** (KTT $105^0$00', múi chiếu 6^0)		**Tọa độ VN-2000** (KTT $106^0$30', múi chiếu 3^0)		**Diện tích (ha)**
	X (m)	**Y** (m)	**X** (m)	**Y** (m)	
1	2.377.307,09	577.824,39	2.378.019,25	422.426,20	46,2
2	2.376.936,19	578.293,28	2.377.643,76	422.891,65	
3	2.376.807,91	578.314,44	2.377.515,24	422.911,59	
4	2.376.583,08	578.647,71	2.377.287,16	423.242,78	
5	2.376.275,16	578.384,20	2.376.981,69	422.976,25	
6	2.376.965,42	577.539,24	2.377.680,23	422.137,70	

Diện tích đề nghị được thuê đất làm mặt bằng công nghiệp, đường nội bộ và xây dựng công trình phụ trợ mỏ có diện tích 9,1 ha được giới hạn bởi 20 điểm khép góc, có tọa độ xác định trên bảng 1.2 (trang bên).

Bảng 1.2. Tọa độ các điểm khép góc làm công trình phụ trợ

Điểm góc	Tọa độ VN 2000 KTT 106°30', múi chiếu 3		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
7	2377504,31	422348,88	9,1
8	2377429,00	422439,29	
9	2377290,40	422364,13	
10	2377198,38	422268,63	
11	2377219,55	422172,73	
12	2377181,51	422150,58	
13	2377186,14	422043,08	
14	2377151,26	421980,78	
15	2377219,22	421899,55	
16	2377297,98	421932,67	
17	2377372,68	421876,73	
18	2377373,61	421807,44	
19	2377405,71	421810,74	
20	2377404,94	421897,57	
21	2377303,94	421989,93	
22	2377306,86	422049,03	
23	2377359,61	422075,8	
24	2377362,09	422152,15	
25	2377411,88	422196,55	
26	2377397,36	422258,37	
27	2377417,28	422305,26	

* *Dự án có vị trí tiếp giáp với các bên như sau:*

- Khu vực khai thác: Có các phía đều tiếp giáp với khu vực đồi núi là rừng trồng sản xuất, chí có góc phía Đông Nam tiếp giáp 01 hộ dân.

- Khu vực phụ trợ

+ Phía Bắc giáp với đường bê tông dân sinh.

+ Phía Nam giáp với đất trồng màu và đồi cây bạch đàn

+ Phía Tây giáp đường cấp phối khu vực, đồi cây và khu ruộng của người dân.

+ Phía Đông giáp đường bê tông dân sinh, khu khai thác của mỏ và nhà dân.

2.2. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

Các hạng mục công trình của dự án được thực hiện tại giai đoạn thi công xây dựng với các hoạt động có khả năng tác động xấu đến môi trường và các hoạt động có khả năng tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn vận hành dự án được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2. Những nguồn gây tác động từ các hoạt động của dự án

Các hoạt động của dự án	Các nguồn tác động có liên quan đến chất thải	Các nguồn tác động không liên quan đến chất thải
I. Giai đoạn thi công, xây dựng		
- Bồi thường, giải phóng mặt bằng. - Phát quang thảm thực vật. - Rà phá bom mìn. - San gạt tạo mặt bằng công nghiệp, dân dụng, đường vận chuyển, tạo mặt bằng khai thác đầu tiên... - Vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị… - Xây dựng các công trình phục vụ khai thác.	- Sinh khối thực vật - Đất đá, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt… - Bụi đất đá, khí thải độc hại (CO, NO_x, SO_2,…), ồn, rung - Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.	- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất. - Thay đổi đời sống kinh tế, xã hội người dân thuộc diện đền bù. - Vấn đề an ninh trật tự khu vực. - Sạt lở, sụt lún các công trình xây dựng. - Xây lắp các công trình có thể xảy ra tai nạn lao động. - Tai nạn lao động. - Tiếng ồn. - Mất trật tự an ninh khu vực...
II. Giai đoạn vận hành		
- Khai thác, bốc xúc, vận chuyển đất san lấp.	- Bụi, khí thải (CO, SO_2, NO_2,...). - Nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn. - Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt. - Chất thải nguy hại: giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải.	- Sự cố sạt lở, lún đất mỏ,... - Tác động tới hệ sinh thái khu vực. - Tiếng ồn, rung. - Tai nạn lao động… - Bồi lắng nguồn tiếp nhận - Vấn đề an ninh trật tự khu vực

Bảng 3. Bảng quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh từ dự án

STT	Chất thải phát sinh	Quy mô, tính chất
A	**Giai đoạn xây dựng cơ bản**	
1	Nước mưa chảy tràn	- Phát sinh 179,8l/s. Đặc trưng ô nhiễm nước mưa là BOD_5 khoảng: 35 - 50 mg/l; TSS khoảng: 1500 - 1800 mg/l. - Ảnh hưởng đến nước mặt và hệ thống mương thoát nước tưới tiêu trong khu vực dự án và khu vực xung quanh.

STT	Chất thải phát sinh	Quy mô, tính chất
	Nước thải sinh hoạt	Phát sinh 0,75m^3/ngày.đêm. Chủ yếu chứa các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (đặc trưng bởi BOD và COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật gây bệnh. Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý theo đúng quy định nên không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt của khu vực.
	Nước thải thi công	- Nước thải thi công thường có chứa vôi vữa, xi măng, đây là nguyên nhân làm cho pH của nước cao. Tuy nhiên, lượng nước thải phát sinh không nhiều, không ảnh hưởng nhiều đến tưới tiêu và khu vực xung quanh.
2	Khí thải	- Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động dọn dẹp thực vật và phá dỡ các công trình hiện hữu. - Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp nền, san gạt mặt bằng, từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng và từ các hoạt động xây dựng công trình; Khí thải phát sinh do quá trình đốt cháy nhiên liệu của các phương tiện, máy móc thi công. - Khí thải phát sinh do đốt cháy nhiên liệu của các phương tiện, máy móc thi công. - Các loại khí thải phát sinh (SO_2, NOx, CO) ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt, sản xuất, môi trường sống của người dân gần khu vực dự án và ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí chung do hiệu ứng nhà kính.
3	Chất thải rắn	- Đất đá thải từ quá trình san gạt mặt bằng, mở vỉa: 24.821m^3 - Sinh khối thực vật: 55,3 tấn - Chất thải rắn xây dựng: phát sinh không đáng kể - Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng 7,5kg/ngày.
4	Các tác động khác	- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động thi công san gạt mặt bằng, xây dựng các công trình phụ trợ, từ máy móc hoạt động trên công trường thi công,... - Độ rung từ các máy móc hoạt động thi công trên công trường, làm ảnh hưởng khó chịu, phiền toái cho công nhân và người dân trong khu vực. Rủi ro trong quá trình thi công. - Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội, vấn đề an ninh trật tự xã hội.
B	**Giai đoạn dự án đi vào khai thác**	
1	Nước mưa chảy tràn	- Lưu lượng phát sinh: 179,8l/s làm tăng lượng nước bề mặt trong khu vực, tăng nguy cơ ngập úng các lưu vực xung quanh, đồng thời làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái xung quanh hệ thống mương nội đồng.
	Nước thải sinh hoạt	- Phát sinh khoảng 0,45m^3/ngày đêm có chứa các chất ô nhiễm hữu cơ và vi sinh vật gây bệnh. Tuy nhiên do lượng thải không lớn nên mức độ tác động không cao.
	Nước rửa lốp xe ra khỏi mỏ	- Nước rửa lốp xe: 6,1m^3/ngày chứa đất cát, TSS,… Tuy nhiên, lượng nước thải phát sinh không nhiều và được sử dụng tuần

STT	Chất thải phát sinh	Quy mô, tính chất
		hoàn, không ảnh hưởng nhiều đến khu vực xung quanh.
2	Khí thải	- Bụi, khí thải độc hại (CO, NO_x, SO_2,…, tiếng ồn) phát sinh từ quá trình khai thác, xúc bốc, vận chuyển, tập kết đất khai thác và quá trình di chuyển của xe vận chuyển.
3	Chất thải rắn	- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 9kg/ngày. Quy mô ảnh hưởng đến môi trường sống, mất mỹ quan khu vực dự án. - Bùn lắng từ rửa lốp xe: 5m^3/năm
4	Các tác động khác	- Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội: Bên cạnh những lợi ích kinh tế - xã hội mà dự án đem lại thì việc triển khai dự án còn có thể gây ra một số tác động tiêu cực như: Gia tăng tệ nạn xã hội và các bệnh xã hội khác, mất an ninh trật tự khu vực,... - Tác động do các rủi ro, sự cố: Một số sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động như: Sự cố cháy nổ, sự cố về bão lụt, sấm sét, sự cố sụt lún công trình, sự cố ùn tắc hệ thống thoát nước, sự cố lây bệnh hiểm nghèo và nguy cơ lan truyền mầm bệnh.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

a. Giai đoạn thi công, xây dựng

** Đối với nước thải*

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng được xử lý tại nhà vệ sinh di động dung tích 600 lít (vật liệu composit).

- Nước mưa chảy tràn: Tại các khu vực sau khi san gạt, sử dụng máy lu nèn chặt nền đất vừa đảm bảo độ nén chặt của các lớp đất theo yêu cầu xây dựng công trình, đồng thời giảm thiểu tới mức thấp nhất lượng đất đá cuốn theo nước mưa chảy tràn.

** Đối với bụi và khí thải*

- Phun nước hạn chế bụi 2-4 lần/ngày bằng xe phun nước của mỏ có dung tích téc chứa nước 7m^3, có đường ống nhựa PVC dài 2m, đường kính 7cm; trên đó đục các lỗ nhỏ để phun nước.

- Sử dụng các phương tiện máy móc thi công có hiệu suất cao, hạn chế hoạt động vào giờ cao điểm.

- Sử dụng bạt che chắn trong quá trình vận chuyển....

** Đối với chất thải rắn*

- Sinh khối thực vật được thu gom, phơi khô và xử lý bằng phương pháp đốt.

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa rác 100 lít sau đó thuê đơn vị thu gom xử lý hợp vệ sinh.

- Đất đá thải do mở vỉa, làm đường, thi công mương, hố lắng nước mưa… phần lớn được san gạt đào đắp tại chỗ và là sản phẩm đất san lấp vì vậy không thải ra ngoài môi trường.

- Thu gom đất đá, vật liệu xây dựng, vỏ bao xi măng, gỗ vào các vị trí quy định để tái sử dụng phần còn lại được sử dụng để tôn nền.

** Đối với những rủi ro, sự cố môi trường*

- Tuân thủ nội quy an toàn lao động.

- Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra an toàn các máy móc, thiết bị thi công.

- Có biển chỉ dẫn nơi đang thi công, nơi nguy hiểm.

- Không tiến hành san lấp, đào đắp khi có mưa.

b. Giai đoạn vận hành

** Đối với nước thải*

- Nước thải sinh hoạt được xử lý qua nhà vệ sinh di động (2 nhà có dung tích bể thải 600 lít/nhà) sau đó thuê đơn vị có chức năng định kỳ hút đi xử lý hợp vệ sinh.
- Nước mưa chảy tràn được thu gom bằng hệ thống mương rãnh có tổng chiều dài 2500m, trên mương có bố trí 02 hố lắng (Hố lắng 1 tổng dung tích 2.000 m^3 trên diện tích 1.000m^2. Hố lắng 2 tổng dung tích 16.500 m^3 trên diện tích 5.500m^2) để thu lắng cặn trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận của khu vực. Ngoài ra còn lượng nhỏ nước thải phát sinh từ quá trình rửa lốp xe được chảy về các hố lắng nước mưa chảy tràn (sử dụng chung) sau đó được sử dụng tuần hoàn lại mà không thải ra ngoài môi trường.

** Đối với bụi và khí thải*

+ Sử dụng xe phun nước của mỏ có dung tích téc chứa 7m^3 để phun ẩm giảm bụi trong quá trình vận tải nội bộ với tần xuất từ 2 – 4 lần/ngày; thực hiện che chắn xe vận chuyển đất san lấp đi tiêu thụ, trong quá trình vận chuyển đảm bảo chạy đúng tốc độ, chở đúng tải trọng theo quy định.

- Kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, động cơ, máy móc định kỳ

- Có biển báo đặt tại nơi nguy hiểm cần chú ý. Có biển báo đặt tại nơi nguy hiểm cần chú ý.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực phụ trợ và trong khu vực đất trống xung quanh khu vực mỏ.

** Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại*

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào thùng chứa rác dung tích 100 lít, sau đó thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi chôn lấp hợp vệ sinh.

- Bùn đất từ hố lắng nước rửa lốp xe bản chất là đất san lấp được sử dụng làm sản phẩm đất san lấp của mỏ xuất bán.

- Chất thải nguy hại: được chứa vào thùng phi 200 lít có nắp đật, để trong kho 10,89m^2 thu gom quản lý theo đúng quy định tại Thông tư 02:2022/BTNMT.

** Đối với các rủi ro, sự cố môi trường*

- Đảo bảo các quy tắc an toàn trong lao động và phòng chống cháy nổ, các quy phạm an toàn về tải trọng vận chuyển...

- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân, thường xuyên tập huấn an toàn lao động cho công nhân…

- Cử cán bộ chuyên trách theo dõi quản lý các vấn đề môi trường.

c. Đối với giai đoạn hoàn thổ môi trường

Trên cơ sở thiết kế khai thác và các nhu cầu cải tạo phục hồi môi trường của địa phương và theo quy định hiện hành, Chủ đầu tư đã đề xuất và có kế hoạch thực hiện cải tạo phục hồi môi trường như sau:

** Đối với khai trường khi kết thúc khai thác:*

Sau khi kết thúc công tác khai thác mỏ, Công ty sẽ thực hiện nghiêm túc các biện pháp phục hồi môi trường đối với khu vực khai thác và các công trình phụ trợ liên quan đến dự án theo đúng phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án được cơ quan chức năng xem xét và phê duyệt. Diện tích khu vực cần cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác là 318.200 m^2 (trong đó: 227.200 m^2 là diện tích khu vực khai thác đã trừ đi phần taluy bảo vệ, không khai thác được và diện tích khu vực phụ trợ là 91.000 m^2).

- Thực hiện trám lấp 2 hố lắng nước mưa (Hố lắng 1 tổng 2.000 m^3 trên diện tích 1.000m^2. Hố lắng 2 tổng 16.500 m^3 trên diện tích 5.500m^2)

- Bổ sung đất màu theo hố, trồng cây xanh trên toàn bộ diện tích khai thác 318.200 m^2, chăm sóc trong 3 năm đầu sau đó bàn giao cho địa phương quản lý.

** Đối với khu vực văn phòng, phụ trợ (nằm trong diện tích khai thác)*

- Tháo dỡ các công trình phụ trợ, san gạt mặt bằng.

** Khu vực xung quanh không thuộc diện tích cấp phép của mỏ:*

- Cải tạo mương nội đồng tiếp nhận nước thải mỏ: Khơi thông dòng chảy, nạo vét bùn rác từ các loại chất thải cuốn theo bề mặt vào nguồn tiếp nhận, chiều dài nạo vét 100m.

- Đối với hệ thống đường giao thông: Việc duy tuy, bảo dưỡng được thực hiện song song với quá trình khai thác, nên chi phí này được tính vào chi phí khai thác.

Bảng 4. Bảng thống kê các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

STT	Hạng mục	Số lượng
I	**Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn**	
1	Thùng nhựa chứa rác thải sinh hoạt 100 lít	2 thùng
2	Kho chứa chất thải nguy hại	10,89m^2
3	Thùng phi chứa chất thải nguy hại 200 lít	3 thùng
II	**Công trình, biện pháp xử lý nước thải**	
1	Nhà vệ sinh di động	02 nhà
2	Hố lắng	02 hố

STT	Hạng mục	Số lượng
3	Mương thoát nước mưa (kích thước đáy mương 0,5m, mặt mương 1m x sâu 0,5m)	2500m
III	**Công trình, biện pháp xử lý bui, khí thải**	
1	Xe + téc phun nước dập bụi	$7m^3$
2	Cầu rửa xe, bơm + vòi phun rửa lốp xe	1 HT

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

a. Giai đoạn thi công

Giám sát chất thải rắn thông thường và CTNH phát sinh tại khu vực thi công gồm: Giám sát khối lượng phát sinh; giám sát việc phân loại các loại chất thải để thu gom theo quy định.

b. Giai đoạn hoạt động

- Giám sát chất thải rắn thông thường và CTNH phát sinh tại các điểm mỏ khai thác gồm: Giám sát khối lượng phát sinh; giám sát việc phân loại các loại chất thải để thu gom theo quy định, vị trí tập kết rác.

- Giám sát các vấn đề môi trường khác: giám sát hiện tượng sụt, lở, xói lở bồi lắng với tần xuất (06 tháng/lần) và thực hiện các phương án xử lý kịp thời khi có các hiện tượng sụt lún, sạt lở, bồi lắng xảy ra để đảm bảo an toàn cho công nhân khai thác cũng như người dân sống xung quanh khu vực mỏ.

- Phối hợp với chính quyền địa phương giám sát tình hình an ninh trật tự trong khu mỏ và dân cư xung quanh, tránh xảy ra các mâu thuẫn.

c. Giai đoạn cải tạo hoàn phục môi trường

Giám sát chất thải rắn thông thường và CTNH phát sinh tại khu vực hoàn phục môi trường gồm: Giám sát khối lượng phát sinh; giám sát việc phân loại các loại chất thải để thu gom theo quy định.

3. Cam kết của Chủ dự án

- Cam kết các giải pháp và biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện từ khi dự án đi vào hoạt động chính thức đến khi kết thúc dự án. Cam kết bố trí các phương tiện, thiết bị để hạn chế lượng bụi phát sinh trong quá trình khai thác như: tần suất tưới nước dập bụi 2-4 lần/ngày; lắp đặt bố trí hệ thống phun sương dập bụi tại các khu vực ra vào mỏ, để giảm lượng bụi phát sinh do cuốn theo xe vận chuyển; Bố trí công nhân quét dọn vệ sinh trong trường hợp làm rơi vãi đất trong quá trình vận chuyển, quét dọn thường xuyên trên các tuyến đường nối với ĐT.261 và tuyến đường xe ra vào mỏ.

- Cam kết trong quá trình thực hiện khai thác sẽ chủ động giám sát chất lượng môi trường xung quanh khu vực khai thác (môi trường không khí, môi trường nước mặt,…) để đánh giá hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường.

- Cam kết thường xuyên duy tu, sửa chữa các tuyến đường bị xuống cấp do hoạt động thi công, vận chuyển của dự án.

- Cam kết xây dựng phương án, kế hoạch, lộ trình khai thác, vận chuyển đảm bảo không gây ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh dự án và hoạt động giao thông của khu vực, nhất là khi đi qua các khu dân cư trong giờ cao điểm và thời gian cao điểm; thông báo các phương tiện sử dụng để vận chuyển đất đến chính quyền địa phương và đơn vị chức năng có thẩm quyền quản lý các tuyến đường liên quan trong quá trình vận chuyển để kiểm tra, giám sát.

- Cam kết thiết lập hệ thống biển báo khu vực thi công, khai thác và công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công, khai thác của Dự án; quá trình vận chuyển đất san lấp đi tiêu thụ phải đảm bảo đúng tải trọng phù hợp tải trọng tuyến đường theo quy định; che chắn thùng xe, rửa lốp xe khi ra khỏi khai trường; đảm bảo mật độ vận chuyển, thời gian vận chuyển phù hợp với điều kiện thực tế hạ tầng giao thông và đời sống sinh hoạt của người dân khu vực.

- Cam kết bố trí đủ kinh phí để ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đúng quy định. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Cam kết phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh, trật tự xã hội khu vực trong quá trình thực hiện dự án; thường xuyên trao đổi, tham vấn, tiếp thu ý kiến phản ánh của nhân dân khu vực chịu tác động ảnh hưởng từ các hoạt động của dự án để kịp thời có biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động trong quá trình thực hiện.

- Cam kết thực hiện các biện pháp phòng chống sự cố rủi ro như đã nêu trong báo cáo. cam kết hỗ trợ, đền bù những thiệt hại mà nguyên nhân do hoạt động khai thác mỏ gây ra (sạt lở, tai nạn, ô nhiễm bụi, ô nhiễm nước).

- Cam kết xây dựng đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 4600301040-C.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG XÂY DỰNG VIỆT CƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

Đoàn Văn Tùng

Ghi chú: Báo cáo ĐTM được niêm yết tại Uỷ ban nhân dân cấp phường từ ngày ...tháng ...năm 2026.

Được quét bằng CamScanner